

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:**

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn T** - Sinh năm: 1948. Địa chỉ: số nhà 09/1 đường Q, Phường 11, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Sinh năm: 1971; địa chỉ: số nhà 44B4, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2020.)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Công Q** - Sinh năm: 1965 và bà **Nguyễn Thị Bé T** - Sinh năm: 1968; cùng địa chỉ: số nhà 89/23 ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh B.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ông Nguyễn Công Q và bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn T số tiền là 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận việc ông T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Về thời gian, phương thức trả nợ được các bên thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu số tiền là 5.875.000 (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Do ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Q và bà T phải liên đới chịu số tiền là 5.875.000 (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**